

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-10-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 573/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988; thường trú: 52/3, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: Ấp 4, xã T, thành phố B, tỉnh Đ. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ: 19/32 Nguyễn An Ninh, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền đối với phần yêu cầu giải quyết con chung và chia tài sản chung (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1985; thường trú: 52/3, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đối với yêu cầu giải quyết con chung và chia tài sản chung là anh Đậu Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh B vào năm 2007, việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống cùng với gia đình nhà chồng tại số 52/3, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh B. Thời gian đầu sau kết hôn anh, chị sống với nhau hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Hiếu thường xuyên uống rượu, đánh đập chị cho nên chị đã chuyển về nhà cha mẹ ở xã T, thành phố B, tỉnh Đ để sinh sống. Sau đó, anh H thường xuyên đến nơi chị ở để quấy phá, đe dọa đánh chị. Thấy vậy, anh trai chị ra can ngăn thì bị anh H dùng dao đâm vào cơ thể dẫn đến bị thương tích. Hành vi gây thương tích của anh H đã bị Tòa án nhân dân thành phố B xử về tội cố ý gây thương tích. Xuất phát từ những mâu thuẫn trên hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 29/02/2008. Hiện con chung đang ở với anh H. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị yêu cầu sau khi ly hôn con chung sẽ do anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 139,6 m² thuộc thửa số 1242, tờ bản đồ số D4.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 178772 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Thanh L ngày 06/8/2015.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất trên. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi và yêu cầu được nhận ½ giá trị.

Đối với các tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà tạm (chuồng gia cầm), trị giá 1.425.600 đồng; 01 nhà tạm (chuồng gia cầm), trị giá 615.600 đồng; hàng rào lưới B40, trị giá 687.500 đồng; 21 cây chuối lớn, trị giá 882.000 đồng; 10 cây chuối nhỏ, trị giá 110.000 đồng và 01 cây si có trị giá 60.000 đồng. Tất cả tài sản này là của bà Đỗ Thị B nên nguyên đơn không tranh chấp.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 22/6/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:*

Thông nhất phần trình bày của nguyên đơn về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, vào năm 2015 anh phát hiện chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhưng chị L không thay đổi, đồng thời tự ý chuyển về nhà cha mẹ ruột ở xã T, thành phố B, tỉnh Đ để sinh sống. Vào ngày 31/12/2015 anh đến nơi chị L ở để khuyên chị L quay về, chị Loan không đồng ý nên hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, trong lúc hai vợ chồng mâu thuẫn thì anh trai của chị L vào can ngăn dẫn đến anh vô ý gây thương tích cho anh trai và sau đó hành vi của anh bị Tòa án nhân dân thành phố B xử về tội cố ý gây thương tích. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nhưng chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Thông nhất có 01 con chung như chị L trình bày. Hiện con chung đang ở với anh. Anh đồng ý sau ly hôn con chung sẽ do anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thông nhất quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, đối với phần tài sản chung này có nguồn gốc do cha mẹ anh tặng cho vợ chồng với mong muốn hai vợ chồng xây nhà để ở và sống với nhau hạnh phúc. Nay vợ chồng ly hôn thì anh không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chia tài sản chung thì anh yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất. Đối với các tài sản trên đất là của bà Đỗ Thị B nên anh không tranh chấp.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp:* Thửa số 1242, tờ bản đồ số D4.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B được định giá là: Đất ở đô thị 60m² với giá 10.000.000 đồng/m², thành tiền 600.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 79,6m² với giá 8.000.000 đồng/m², thành tiền 636.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp: 1.236.800.000 đồng. Các đương sự không có ý kiến gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 139,6 m² thuộc thửa số 1242, tờ bản đồ số D4.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 178772 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Thanh L ngày 06/8/2015 có nguồn gốc từ việc tặng cho của gia đình nhà chồng, quá trình chung sống nguyên đơn không có công sức đóng góp hay tôn tạo giữ gìn khối tài sản chung. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết và chia cho bị đơn được hưởng phần nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Đối với tài sản trên đất bao gồm: 02 nhà tạm (chuồng gia cầm); hàng rào lưới B40; 21 cây chuối lớn; 10 cây chuối nhỏ và 01 cây si . Tất cả các tài sản trên là của bà Đỗ Thị B, tuy nhiên bà Đỗ Thị B không có tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa bà Đỗ Thị B vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01, ngày 08/8/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Thanh L xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là anh Nguyễn Trung H thường xuyên uống rượu dẫn đến đánh đập chị, cho nên chị đã chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian chị sinh sống tại nhà mẹ ruột thì anh H tiếp tục đến quấy phá, được anh trai chị can ngăn nhưng anh H không dừng lại mà còn dùng dao đâm anh trai chị dẫn đến bị thương tích. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Về phía anh Nguyễn Trung H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, rồi bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống không còn quan tâm đến gia đình, sau đó hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và anh đã vô ý gây thương tích cho anh trai của chị. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Cả hai anh, chị đều xác định trong khoảng thời gian ly thân không ai quan tâm, chăm sóc lẫn ai. Từ những mâu thuẫn trên chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị L và anh H không thể kéo dài, mâu thuẫn

đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn và anh H cũng đồng ý nên có căn cứ công nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh H qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 29/02/2008. Hiện nay con chung đang sống với anh Nguyễn Trung H. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do anh Nguyễn Trung H trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Trung H đồng ý sau khi ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H đều thừa nhận tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 139,6 m² thuộc thửa số 1242, tờ bản đồ số D4.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 178772 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Thanh L ngày 06/8/2015 có nguồn gốc từ cha mẹ anh Nguyễn Trung H là ông Nguyễn Thái S và bà Đỗ Thị B tặng cho theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/7/2015 tại Văn phòng công chứng Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Trung H cho rằng việc cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất trên với mong muốn để hai vợ chồng xây nhà ở và sống với nhau hạnh phúc nên anh không đồng ý chia là không có cơ sở xem xét. Vì vậy có cơ sở xác định quyền sử dụng đất tranh chấp trên là tài sản chung của vợ chồng.

Nguyên đơn yêu cầu được hưởng ½ tài sản chung và yêu cầu được nhận giá trị. Tuy nhiên đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ anh Nguyễn Trung H tặng cho, tọa lạc đất nằm trong khuôn viên đất của gia đình nhà chồng đang sinh sống, năm 2015 cha mẹ chồng tặng cho quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận thì đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Nguyễn Thị Thanh L đã không còn sinh sống cùng với gia đình nhà chồng, không có công sức quản lý, giữ gìn và tôn tạo khối tài sản chung nên khi chia tài sản chung cần xem xét đến nguồn gốc và công sức đóng góp của anh Nguyễn Trung H trong việc gìn giữ khối tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chia cho anh Nguyễn Trung H được hưởng 70% giá trị tài sản chung và chia cho chị Nguyễn Thị Thanh L 30% giá trị tài sản chung. Hiện tại anh Nguyễn Trung H đang trực tiếp nuôi con chung, con chung đang trong độ tuổi đến trường nên cần có nơi để sinh sống, vì vậy cần giao quyền sử dụng đất trên cho anh Nguyễn Trung H quản lý sử dụng, đồng thời tại phiên tòa anh H cũng có nguyện vọng được nhận hiện vật trong trường hợp Tòa án chia tài sản chung. Anh Nguyễn Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh L 30% giá trị quyền sử dụng đất.

Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền 371.040.000 đồng, tương đương 30% giá trị quyền sử dụng đất và chia bằng giá trị.

Chia cho anh Nguyễn Trung H được hưởng số tiền 865.760.000 đồng, tương đương 70% giá trị quyền sử dụng đất và chia bằng hiện vật.

Đối với các tài sản trên đất do các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện chịu 2.137.072 đồng, được khấu trừ vào chi phí tạm ứng đã nộp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 33, 38, 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L với anh Nguyễn Trung H.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H (Giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyền số 01 do UBND xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh B cấp ngày 08/8/2007).

- Về con chung: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh L giao con chung tên Nguyễn Hoàng Lê V, sinh ngày 29/02/2008 cho anh Nguyễn Trung H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trung H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Thanh L với anh Nguyễn Trung H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Phân chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Trung H như sau:

Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền 371.040.000 (ba trăm bảy mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương đương 30% giá trị quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Chia cho anh Nguyễn Trung H được hưởng số tiền 865.760.000 (tám trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng, tương đương 70% giá trị quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Buộc anh Nguyễn Trung H có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 371.040.000 (ba trăm bảy mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng từ tài sản chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh L có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Trung H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 139,6m² tọa lạc tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Anh Nguyễn Trung H được quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của Luật đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện chịu 2.137.072 (hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi hai) đồng, được khấu trừ vào chi phí tạm ứng đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 18.852.000 (mười tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng trong đó bao gồm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 18.552.000 (mười tám triệu năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng án phí chia tài sản chung được khấu trừ số tiền 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019533 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Thanh L còn phải nộp 18.077.000 (mười tám triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng. Anh Nguyễn Trung H phải chịu 37.972.800 (ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm) đồng án phí chia tài sản chung.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND P. Tân Bình, Tx. Dĩ An, T. Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

